

Số: 148 /QĐ-SYT

Ninh Bình, ngày 15 tháng 1 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/việc công bố công khai Dự toán năm 2025 của Cơ quan Sở Y tế

Căn cứ quy định của Luật ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2105/QĐ-SYT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Sở Y tế về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng TCHC Sở Y tế Ninh Bình,

QUYẾT ĐỊNH

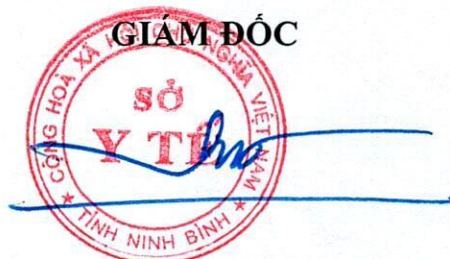
Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Cơ quan Sở Y tế (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng TCHC, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Kế toán trưởng Sở Y tế và các cá nhân có liên quan thực hiện quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, TCHC, KHTC.



Phạm Thị Phương Hạnh



ĐỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 148/QĐ-SYT ngày 15 tháng 01 năm 2025)

ĐV tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
A	ĐỰ TOÁN THU	700.000.000	
I	Tổng số thu	700.000.000	
1	Thu phí, lệ phí	700.000.000	
	Trong đó:		
	Thu lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề	700.000.000	
II	Số thu nộp NSNN	700.000.000	
1	Phí, lệ phí	700.000.000	
III	Số được để lại chi theo chế độ	-	
1	Phí, lệ phí	-	
B	ĐỰ TOÁN CHI NSNN	12.450.000.000	
I	Chi hoạt động thường xuyên	8.555.000.000	Nguồn tự chủ
	Trong đó:		
1	Tiền lương	4.436.000.000	
2	Phụ cấp lương	1.628.000.000	
3	Các khoản đóng góp (BHXH, KPCĐ, BHYT)	1.044.000.000	
4	Chi quản lý HC	1.447.000.000	
II	Kinh phí không thường xuyên	3.895.000.000	Không tự chủ
1	Quản lý hành chính	651.000.000	
1.1	Trang phục thanh tra	17.000.000	
1.2	KP cải cách hành chính	50.000.000	
1.3	KP tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000.000	
1.4	Duy trì, cải tiến hệ thống ISO	12.000.000	
1.5	Kinh phí thuê mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II	32.000.000	
1.6	Chi phục vụ công tác thu phí, lệ phí	500.000.000	
2	Sự nghiệp y tế	2.974.000.000	
2.1	Sửa chữa trụ sở Sở Y tế	700.000.000	
2.2	Hướng dẫn kiểm tra thẩm định sơ tổng kết xã chuẩn y tế quốc gia	50.000.000	
2.3	Kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại các CQ kinh doanh nc sạch	200.000.000	
2.4	Giao ban khôi điều trị, dự phòng, công tác TCKT.....	200.000.000	

9/2

2.5	KP hoạt động BCD phòng chống mù lòa	30.000.000	
2.6	KP HĐ BCD đổi mới phong các, thái độ phục vụ...	30.000.000	
2.7	Tập huấn cho cán bộ y tế	250.000.000	
2.8	Công tác truyền thông của ngành	200.000.000	
2.9	Triển khai, tuyên truyền, kiểm tra công tác phòng chống dịch, công tác tiêm chủng, phác đồ điều trị....	350.000.000	
2.10	Chi phục vụ các đoàn của tỉnh thăm tặng bệnh nhân tại các cơ sở y tế ngày lễ tết, thăm, tặng quà, gặp mặt TTVN	400.000.000	
2.11	Kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam	500.000.000	
2.12	Phí duy trì phần mềm Tài sản	9.000.000	
2.13	Thi thăng hạng chức danh nghề	55.000.000	
3	Sự nghiệp đào tạo	200.000.000	
	KP thực hiện đề án 1816	200.000.000	
III	Thực hiện một số nhiệm vụ tỉnh giao khác	70.000.000	Không tự chủ
1	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật	20.000.000	
2	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ;	50.000.000	

np